

Số: 08/2026/NQ-HĐND

Phú Thọ, ngày 08 tháng 5 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Quy định chính sách hỗ trợ đối với hoạt động vận tải hành khách
công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Phú Thọ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đường bộ số 35/2024/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Người cao tuổi số 39/2009/QH12;

Căn cứ Luật Người khuyết tật số 51/2010/QH12;

Căn cứ Luật Trẻ em số 102/2016/QH13;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của
Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy
nhà nước;

Căn cứ Pháp lệnh số 02/2020/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc
hội về Ưu đãi người có công với cách mạng;

Căn cứ Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của
Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số 316/TTr-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban
nhân dân tỉnh Phú Thọ; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng
nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ
đối với hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh
Phú Thọ.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đối với các tuyến vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt nội tỉnh trên địa bàn tỉnh Phú Thọ gồm: Chính sách hỗ trợ lãi suất vay vốn đối với dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, dự án đầu tư phương tiện xe buýt; hỗ trợ kinh phí hoạt động; miễn, giảm giá vé cho đối tượng sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các tổ chức, cá nhân vay vốn tại tổ chức tín dụng để thực hiện các dự án đầu tư phương tiện xe buýt, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt, tham gia hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt, sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt đối với các tuyến xe buýt nội tỉnh được ngân sách nhà nước hỗ trợ hoạt động trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

2. Các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân liên quan.

Điều 3. Điều kiện hỗ trợ

1. Các tuyến xe buýt được ngân sách nhà nước hỗ trợ hoạt động là các tuyến xe buýt nội tỉnh thuộc danh mục mạng lưới tuyến xe buýt được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; trong đó ưu tiên hỗ trợ các tuyến xe buýt nội tỉnh phục vụ mục đích an sinh, phát triển kinh tế - xã hội, kết nối bệnh viện, trường học, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, trung tâm hành chính, khu dân cư tập trung và địa bàn khó khăn theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

2. Chỉ hỗ trợ cho các tuyến xe buýt nội tỉnh có tỷ lệ lấp đầy hành khách tại thời điểm đánh giá, khảo sát để tổ chức khai thác tuyến đạt tối thiểu 30% trở lên.

3. Đối với các tuyến xe buýt được hưởng chính sách hỗ trợ lãi suất vay vốn phải đáp ứng bổ sung 02 điều kiện:

a) Có dự án đầu tư và vay vốn tại các tổ chức tín dụng hợp pháp để thực hiện đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách bằng xe buýt, đầu tư mới phương tiện xe buýt chưa qua sử dụng theo hợp đồng vay vốn giữa tổ chức, cá nhân và tổ chức tín dụng để phục vụ các tuyến xe buýt quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết này;

b) Chủ dự án là đơn vị kinh doanh vận tải có trụ sở chính hoặc chi nhánh đặt tại địa bàn tỉnh Phú Thọ, được Sở Xây dựng cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô trong đó có loại hình vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt và chấp thuận hoạt động trên các tuyến vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt nội tỉnh trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

4. Trong trường hợp cùng thời gian, nội dung có nhiều chính sách hỗ trợ từ các chương trình, dự án khác nhau thì đối tượng thụ hưởng được lựa chọn áp dụng một chính sách hỗ trợ cao nhất.

Điều 4. Hỗ trợ lãi suất vay vốn tại các tổ chức tín dụng hợp pháp đối với dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, dự án đầu tư phương tiện xe buýt phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt

1. Hạn mức vốn vay được hỗ trợ lãi suất: Theo giá trị hợp đồng vay vốn dự án đầu tư kết cấu hạ tầng, dự án đầu tư phương tiện xe buýt phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt, nhưng tối đa không vượt quá tổng mức đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Mức hỗ trợ, thời gian hỗ trợ lãi suất vay vốn

a) Đối với dự án đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt: Hỗ trợ 50% mức lãi suất tín dụng đầu tư của Ngân hàng Phát triển Việt Nam công bố tại thời điểm cho vay. Hỗ trợ theo thời gian vay vốn thực tế, nhưng tối đa không quá 05 năm.

b) Đối với dự án đầu tư phương tiện xe buýt sử dụng điện, năng lượng xanh: Hỗ trợ 70% mức lãi suất tín dụng đầu tư của Ngân hàng Phát triển Việt Nam công bố tại thời điểm cho vay. Hỗ trợ theo thời gian vay vốn thực tế, nhưng tối đa không quá 05 năm.

c) Đối với dự án đầu tư phương tiện xe buýt sử dụng xăng, dầu: Hỗ trợ 50% mức lãi suất tín dụng đầu tư của Ngân hàng Phát triển Việt Nam công bố tại thời điểm cho vay. Hỗ trợ theo thời gian vay vốn thực tế, nhưng tối đa không quá 05 năm.

d) Thời điểm bắt đầu hỗ trợ lãi suất vay vốn tính từ ngày bắt đầu giải ngân theo hợp đồng tín dụng của tổ chức tín dụng.

3. Trường hợp tổ chức, cá nhân có phương tiện, kết cấu hạ tầng được hỗ trợ lãi suất đầu tư chấm dứt phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Phú Thọ trước khi hết thời hạn hỗ trợ lãi suất thì thời gian hỗ trợ lãi suất được tính đến thời điểm ngừng phục vụ tuyến vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt nội tỉnh được ngân sách nhà nước hỗ trợ hoạt động trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

4. Trường hợp phát hiện tổ chức, cá nhân sử dụng vốn vay không đúng mục đích thì bị dừng hỗ trợ lãi suất; căn cứ kết luận của cơ quan có thẩm quyền, bị thu hồi toàn bộ hoặc một phần số tiền hỗ trợ đã cấp tùy theo mức độ vi phạm; trường hợp không chấp hành thì xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Hỗ trợ kinh phí hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt

1. Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 30% doanh thu bán vé xe buýt (không bao gồm phần ngân sách cấp bù miễn, giảm giá vé) của tuyến xe buýt được cấp có thẩm quyền phê duyệt hưởng chính sách hỗ trợ.

2. Thời hạn hỗ trợ: Thời hạn hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với các tuyến xe buýt quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện theo thời hạn hợp đồng khai thác tuyến do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết với đơn vị kinh doanh vận tải.

Điều 6. Miễn, giảm giá vé cho đối tượng sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt

1. Điều kiện miễn, giảm giá vé: Miễn, giảm giá vé cho đối tượng sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt nội tỉnh được ngân sách nhà nước hỗ trợ hoạt động.

2. Đối tượng miễn, giảm giá vé

a) Đối tượng miễn giá vé: Trẻ em dưới 6 tuổi, Bà mẹ Việt Nam anh hùng, anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, anh hùng lao động, thương bệnh binh, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, người khuyết tật nặng và người khuyết tật đặc biệt nặng.

b) Đối tượng giảm 50% giá vé: Người cao tuổi (theo Luật Người cao tuổi); người khuyết tật nhẹ; học sinh, sinh viên là công dân Việt Nam đang học các trường trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Điều 7. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với các tuyến xe buýt đã ký hợp đồng khai thác còn hiệu lực và được ngân sách nhà nước hỗ trợ hoạt động trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thì được tiếp tục thực hiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ theo hợp đồng khai thác đã ký cho đến hết thời hạn hợp đồng. Danh sách các tuyến xe buýt thuộc trường hợp chuyển tiếp thực hiện theo Phụ lục kèm theo Nghị quyết này.

2. Hết thời hạn hợp đồng quy định tại khoản 1 Điều này, việc tiếp tục hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với tuyến xe buýt được thực hiện theo quy định tại Nghị quyết này và các quy định của pháp luật có liên quan.

3. Trường hợp điều chỉnh, gia hạn, ký lại hợp đồng hoặc tổ chức lựa chọn đơn vị khai thác sau ngày Nghị quyết này có hiệu lực thì không áp dụng cơ chế hỗ trợ theo quy định trước đây, mà thực hiện theo Nghị quyết này và quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 8. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Nguồn kinh phí thực hiện: Từ nguồn chi thường xuyên thuộc ngân sách cấp tỉnh.

2. Ngân sách nhà nước cấp bù tiền miễn, giảm giá vé đối với các đơn vị kinh doanh vận tải để thực hiện chính sách miễn, giảm giá vé cho các đối tượng quy định tại Điều 6 nghị quyết này.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết đảm bảo đúng các quy định của pháp luật; căn cứ các điều kiện hỗ trợ, nguyên tắc hỗ trợ quy định tại Nghị quyết này và khả năng cân đối ngân sách của địa phương, tổ chức lựa chọn, phê duyệt danh mục các tuyến xe buýt được hưởng chính sách hỗ trợ; hướng dẫn việc thụ hưởng chính sách, quản lý, thanh toán, quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 10. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18 tháng 5 năm 2026.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ khóa XX, Kỳ họp thứ Hai (kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 8 tháng 5 năm 2026 ./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh; Chính phủ;
- VPQH; VPCP;
- Các Bộ: Xây dựng; Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và TCTHPL (Bộ Tư pháp);
- TTTU, TT HĐND, UBND, UB MTTQ tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- ĐU, TTHĐND, UBND các xã, phường;
- Trung tâm Thông tin - Công báo;
- Lưu: VT, HĐ^{6,8}, HC².

CHỦ TỊCH

Bùi Đức Hình

Phụ lục
DANH SÁCH CÁC TUYẾN XE BUÝT THUỘC TRƯỜNG HỢP CHUYỂN TIẾP ĐƯỢC TIẾP TỤC
THỰC HIỆN THEO CÁC CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH ĐÃ HỖ TRỢ THEO HỢP ĐỒNG KHAI THÁC
ĐÃ KÝ CÒN HIỆU LỰC CHO ĐẾN KHI HẾT THỜI HẠN HỢP ĐỒNG

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 08/2026/NQ-HĐND ngày 08 tháng 5 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ)

TT	Tuyến buýt	Tên đơn vị khai thác tuyến buýt	Hợp đồng khai thác tuyến buýt	Ngày hết hạn hợp đồng
1	VP-01 (Bồ Sao - KCN Quang Minh)	Liên danh Công ty TNHH một thành viên vận tải ô tô Vĩnh Phúc - Công ty TNHH thương mại Anh Long	Hợp đồng số 01/2024/HĐ-SGTVT ngày 23/01/2024 và các Phụ lục hợp đồng	17/02/2029
2	VP-03 (Vĩnh Yên - Sông Lô)	Liên danh Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng HPT Vĩnh Phúc và Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển T - A	Hợp đồng số 04/2023/HĐ-SGTVT ngày 02/08/2023 và các Phụ lục hợp đồng	30/9/2028
3	VP-04 (Vĩnh Yên - Vĩnh Tường)	Công ty TNHH MTV Vận tải ô tô Vĩnh Phúc	Hợp đồng số 01/2023/HĐ-SGTVT ngày 02/08/2023 và các Phụ lục hợp đồng	30/9/2028
4	VP-05 (Vĩnh Yên - Yên Lạc)	Công ty TNHH MTV Vận tải ô tô Vĩnh Phúc	Hợp đồng số 02/2023/HĐ-SGTVT ngày 02/08/2023 và các Phụ lục hợp đồng	30/9/2028
5	VP-06 (Vĩnh Yên - Lập Thạch)	Công ty TNHH MTV Vận tải ô tô Vĩnh Phúc	Hợp đồng số 03/2023/HĐ-SGTVT ngày 02/08/2023 và các Phụ lục hợp đồng	30/9/2028
6	VP-07 (Vĩnh Yên - Tam Đảo)	Công ty TNHH MTV Vận tải ô tô Vĩnh Phúc	Hợp đồng số 17/2025/HĐ-SXD ngày 06/10/2025	26/10/2030

TT	Tuyến buýt	Tên đơn vị khai thác tuyến buýt	Hợp đồng khai thác tuyến buýt	Ngày hết hạn hợp đồng
7	VP-08 (Vĩnh Tường - Phúc Yên)	Liên danh Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng HPT Vĩnh Phúc và Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển T - A	Hợp đồng số 05/2023/HĐ-SGTVT ngày 02/08/2023 và các Phụ lục hợp đồng	30/9/2028
8	VP-09 (Vĩnh Tường - Phúc Yên)	Công ty TNHH MTV Vận tải ô tô Vĩnh Phúc	Hợp đồng số 18/2025/HĐ-SXD ngày 06/10/2025	26/10/2030
9	VP-10 (Bến xe Lập Thạch - Bến xe Phúc Yên)	Liên danh Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng HPT Vĩnh Phúc và Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển T - A	Hợp đồng số 06/2023/HĐ-SGTVT ngày 02/08/2023 và các Phụ lục hợp đồng	30/9/2028

(Tổng có 09 tuyến xe buýt đã ký hợp đồng khai thác được ngân sách nhà nước hỗ trợ hoạt động tại địa bàn khu vực Vĩnh Phúc trước sắp xếp)